

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT
Ngày 25-7-2019
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất lâm nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như.

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng: Bà Cao Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lưu Văn C.

Địa chỉ: xóm A, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Nông Văn N.

Người đại diện theo ủy quyền: Nông Văn Ch - Có mặt.

Nông Văn Đ - Có mặt.

Cùng địa chỉ: xóm A, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giáp Ngọc L - Phó hạt trưởng - Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La Văn H – Phó chủ tịch UBND huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Ông Hoàng Văn T – Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Trùng Khánh; Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Văn U – Phó chủ tịch UBND xã B huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn Lưu Văn C – Có mặt.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nông Văn Ch; Nông Văn Đ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2016, bản tự khai ngày 11/01/2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lưu Văn C trình bày: Ông khởi kiện ông Nông Văn N về việc tranh chấp đất lâm nghiệp, giữa hai người không có quan hệ anh em họ hàng, là người cùng xóm.

Về nguồn gốc đất lâm nghiệp đang tranh chấp: Là rừng vầu của gia đình ông từ đời ông cha để lại, đến đời ông là đời thứ 5. Từ năm 1994, Nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng, trong xóm có 06 hộ được giao đất thuộc rừng bảo vệ. Rừng vầu của gia đình ông là lô số 7, không thuộc 06 lô do Nhà nước giao. Do năm 2004, ông X làm địa chính xã B cùng ông Y chỉnh sửa bản đồ, dồn lô số 4 của ông Nông Thanh S vào lô số 3 của ông X rồi điều chỉnh các lô Nông Văn T - em trai ông X vào lô ông N và đẩy lô ông N sang lô rừng vầu của gia đình ông nên đã xảy ra tranh chấp. Sau khi phát hiện có sự điều chỉnh này, ông

đã làm đơn gửi UBND xã B và Phòng TNMT huyện Trùng Khánh và đã được xã gọi đến tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo bản đồ gốc năm 1994, xác định rừng vầu thuộc quyền quản lý của gia đình ông.

Theo bản tự khai ngày 11/01/2017 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người được ủy quyền của bị đơn Nông Văn Đ, Nông Văn Ch trình bày: Ông Nông Văn N là bố của ông. Năm 1994, Nhà nước có chính sách giao đất giao rừng cho các hộ gia đình quản lý để phát triển lâm nghiệp, bố ông đã được giao lô số 6, tổng diện tích 17,3 ha theo quyết định số: 54/QĐ-UB và biên bản giao nhận rừng và trồng rừng ngày 11/10/1994. Trong đó rừng bảo vệ là 8,5 ha; rừng khoanh nuôi có sẵn là 8,8 ha. Theo chương trình dự án 327 được Nhà nước hỗ trợ tiền bảo vệ khoanh nuôi mỗi năm 50.000đ/ha từ năm 1994 – 1999, lô rừng số 6 của gia đình ông được tính trợ cấp, có một phần rừng vầu của gia đình ông C với diện tích khoảng 500 m². Năm 2004, gia đình ông đã kê khai lô số 6 để đăng ký quyền sử dụng đất, khi đó lô số 6 thuộc thửa số 123 tờ bản đồ số 3, diện tích 61.952 m² thuộc bản đồ đất lâm nghiệp xã B đo vẽ năm 2004. Năm 2016, gia đình ông C không cho gia đình tôi khai thác nói đây là đất đang có tranh chấp. Sự việc đã được ông C làm đơn gửi UBND xã B giải quyết nhưng hai bên gia đình không thỏa thuận được. Nay ông yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết cho gia đình ông được tiếp tục quản lý, sử dụng lô rừng số 6 theo tờ bản đồ số 3, thửa 123 bản đồ đất lâm nghiệp năm 2004. Buộc ông C bồi thường 31 cây gỗ mà ông C đã chặt hạ làm nấm hương cho gia đình tôi theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh trình bày: năm 1994 khi giao đất giao rừng, Hạt kiểm lâm huyện có cử cán bộ cùng đại diện các hộ gia đình đến hiện trường để chỉ ranh giới các thửa đất, sau đó cơ quan chuyên môn mới tiến hành vẽ bản đồ và giao cho UBND huyện ra quyết định giao đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2 Điều 26, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lưu Văn C: ông C được quyền quản lý rừng vầu, 07 khóm mai, 01 vạt chuối rừng do gia đình ông C đang quản lý nằm trong lô số 06, thửa số 123, khoảnh 5, tiểu khu 201 thuộc tờ bản đồ số 03 vẽ năm 2004 của UBND xã B với trích lục sơ đồ kèm theo. Ông Nông Văn N tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng lô đất số 06 thửa số 123, khoảnh 5, tiểu khu 201 thuộc tờ bản đồ số 03 vẽ năm 2004 của UBND xã B với trích lục sơ đồ kèm theo. Ông C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã áp dụng: Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lưu Văn C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp (rừng bảo vệ).

Ông Lưu Văn C được quyền quản lý, bảo vệ:

- Vườn vầu có diện tích là: 2.700m²
- Một khóm chuối rừng có diện tích là: 579 m²
- 07 khóm mai mỗi khóm 5m², tổng diện tích là: 35 m²

Tổng cộng: diện tích rừng vầu + chuối rừng + 07 khóm mai = 3.314m² nằm trong lô 6 của ông Nông Văn N.

Cụ thể hình dạng lô đất tranh chấp và kích thước có sơ đồ và tọa độ điểm có sơ đồ kèm theo.

2. Ông Nông Văn N được quyền quản lý, bảo vệ đất lâm nghiệp thuộc lô số 6 diện tích 8,57 ha.

3. Về án phí: ông Lưu Văn C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Xác nhận ông C đã nộp đủ 300.000đ tại biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số B/2012/00967 ngày 26/12/2016 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra án sơ thẩm cũng tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lưu Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án xem xét và giải quyết cho ông được quyền sử dụng khu rừng vầu do cha ông để lại với diện tích 6,1 ha, là lô số 7, thửa đất 123, khoảnh 5, tiểu khu 201 thuộc tờ bản đồ số 03 vẽ năm 2004 của UBND xã B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Nông Văn Ch, Nông Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Gia đình ông thừa nhận trong lô đất lâm nghiệp số 06, thửa số 123, khoảnh 5, tiểu khu 201 thuộc tờ bản đồ số 03 vẽ năm 2004 của UBND xã B được nhà nước giao quản lý có một chòm vầu của gia đình ông C với diện tích khoảng 500m², nay vầu phát triển, mọc khắp đồi nên gia đình ông đồng ý cắt rừng vầu với diện tích khoảng 1.500m² thuộc lô đất nói trên của gia đình cho ông C, không đồng ý chia cho ông C vạt chuối. Nếu gia đình ông C muốn lấy nhiều hơn 1.500m² rừng vầu thì phải bồi thường 31 cây gỗ mọc nắm hương mà ông C đã chặt hạ trái phép tại khu đất rừng của gia đình ông với giá 1.000.000đ/cây, không đồng ý với việc giao 07 khóm mai cho ông C như cấp sơ thẩm đã tuyên vì thuộc phần rừng nhà nước giao quản lý năm 1994.

Ý kiến của đại diện Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh: Đối với rừng khoanh nuôi là cấm khai thác, việc chặt hạ cây rừng phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu không xin phép, nhẹ thì bị xử phạt hành chính, vi phạm nghiêm trọng có thể xử lý về hình sự.

Ý kiến của đại diện UBND huyện Trùng Khánh: Năm 1994 nhà nước thực hiện việc giao đất giao rừng cho các hộ dân ở xóm A xã B gồm có 6 lô rừng, được phân ra thành hai loại rừng là rừng khoanh nuôi chăm sóc và rừng bảo vệ, các quyết định giao đất giao rừng từ năm 1994 đến nay vẫn còn hiệu lực, thời điểm giao đất giao rừng bên tư vẫn làm chưa chặt chẽ, năm 2004 có tiến hành đo vẽ lại nhưng chưa có quyết định giao đất giao rừng lại.

Ý kiến của đại diện UBND xã B: Từ khi giao đất giao rừng các hộ vẫn quản lý, bảo vệ không hề có tranh chấp, chỉ từ khi nhà nước đầu tư có đường vào, cây cối có giá trị kinh tế mới phát sinh tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý phúc thẩm và ban hành Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho đương sự và Quyết định phân công thẩm phán cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 285 BLTTDS.

Thẩm phán đã chuyển quyết định mở phiên tòa và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 292BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 286 BLTTDS.

- Đối với đương sự: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm báo cáo đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 76, Điều 86, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật, sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, đơn kháng cáo của các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Ở giai đoạn sơ thẩm, sau khi có đơn khởi kiện của ông C. Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã tiến hành thụ lý vụ án. Sau đó Tòa án đó tiến hành thu thập chứng cứ: xem xét thẩm định tại chỗ; lấy lời khai; có công văn trao đổi với UBND huyện Trùng Khánh Cao Bằng; Chi cục Kiểm Lâm huyện Trùng Khánh;

Tại biên bản thẩm định ngày 11 tháng 9 năm 2018 xác định ranh giới lô đất rừng đang tranh chấp. Theo quyết định giao đất lâm nghiệp năm 1994 được chia thành 6 lô cho 6 hộ dân. Qua xác định vẫn đủ 6 lô, lô số 1 là ông Lưu Văn C, lô số 2 là ông Nông Văn H (bà Nông Thị I) các bên không có tranh chấp, lô số 3 là ông X, lô số 4 là của ông S, lô số 5 của ông Nông Văn K hiện nay ông Nông Văn T đang quản lý và lô số 6 là ông Nông Văn N quản lý. Trong lô số 6 có vầu, Chuối rừng và 07 khóm mai. Diện tích cụ thể như sau :

- Vườn vầu có diện tích là: 2.700 m^2
- Một khóm chuối rừng có diện tích là: 579 m^2
- 07 khóm mai mỗi khóm 5 m^2 tổng diện tích là: 35 m^2

Tổng cộng: Diện tích vườn vầu + Chuối rừng + 07 khóm mai = 3.314 m^2

Tại các đơn khởi kiện, lời khai ông C chỉ yêu cầu được quản lý và sử dụng vườn vầu. Tòa án huyện Trùng Khánh đã tiến hành thẩm định và tuyên ông C được quản lý: Một khóm chuối rừng có diện tích là : 579 m^2 , 07 khóm mai mỗi khóm 5 m^2 tổng diện tích là: 35 m^2 là đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/3/2019 ông C trình bày ông được tham gia thẩm định, nhưng do ông không đồng ý với phương pháp đo đạc khi thẩm định nên Ông không ký vào biên bản. Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã căn cứ vào Biên bản thẩm định ngày 11/9/2018 xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông C là vi phạm Điều 101 BLTTDS. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm dừng phiên tòa và ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tiến hành thẩm định lại diện tích đất tranh chấp.

Ngày 01/07/2019 Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã tiến hành thẩm định lại và xác định:

Tổng diện tích rừng vầu là 15.333 m^2

Tổng diện tích 02 vạt chuối rừng là: $525,4 \text{ m}^2 + 63,03 \text{ m}^2 = 588,4 \text{ m}^2$

Tổng diện tích 06 khóm mai là: $126,6 \text{ m}^2$

Khoảng cách từ vạt chuối rừng 1 đến rừng vầu là $6,9 \text{ m}$; vạt chuối rừng 2 đến rừng vầu $32,3 \text{ m}$.

Khoảng cách từ khóm Mai gần nhất đến rừng Vầu là 22,6m; từ khóm mai xa nhất đến rừng Vầu là 97,2m.

Về tứ cận rừng vầu nằm trọn trong lô 123.

Như vậy có sự chênh lệch rất lớn về diện tích đất rừng tranh chấp. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng có ý kiến rút kinh nghiệm đối với công tác đo đạc, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tiến hành.

Tại các lời khai của các nhân chứng ông Nông Văn V, Nông Văn Q (là những người được tham gia công tác giao đất, giao rừng năm 1994) và nguyên đơn ông C đều xác nhận khẳng định rừng vầu có từ xưa không giao mà các hộ gia đình tự quản lý và khai thác. Gia đình ông C là người trực tiếp quản lý và khai thác vườn Vầu từ trước năm 1994 cho đến nay. Từ khi được giao đất giao rừng gia đình ông N chưa bao giờ trồng vầu trên diện tích rừng vầu tranh chấp.

Phía bị đơn Nông Văn Đ và Nông Văn Ch. Bỏ tôi là ông Nông Văn N được nhà nước giao đất theo quyết định số 54/QĐ-UB ngày 11/10/1994 về việc giao đất, giao rừng thuộc lô số 6 tổng diện tích 17,3 ha. Trong đó: Rừng bảo vệ: 8,5 ha, rừng khoanh nuôi có sẵn: 8,8 ha. Trong lô rừng số 6 của gia đình tôi có một chỏm vầu của gia đình ông C (nay là thửa đất số 123 bản đồ đất lâm nghiệp năm 2004).

Tại phiên tòa, qua ý kiến đại diện của cơ quan chuyên môn Hạt kiểm lâm huyện Trùng Khánh trình bày. Năm 1994 khi giao đất, giao rừng có các hộ gia đình đến hiện trường chỉ ranh giới thửa đất sau đó mới vẽ bản đồ. Xong giao cho Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định giao đất. Về thẩm định tại chỗ dùng máy đo của đơn vị Kiểm lâm huyện Trùng Khánh và cho phép sai số đến 3m.

Như vậy căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thấy Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử chấp nhận yêu cầu của ông C theo Biên bản thẩm định ngày 11/9/2018 là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, giao cho ông C được quyền quản lý, bảo vệ diện tích rừng vầu là 15.333m² (Biên bản thẩm định ngày 01/07/2019). Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Ch: Ông N

được quyền quản lý, bảo vệ các vật chuỗi rừng, các khóm mai và diện tích rừng còn lại của thửa 123 tờ bản đồ đất lâm nghiệp năm 2004.

Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông C nhưng lại tuyên ông C phải nộp 300.000đ tiền án phí là không đúng. Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Khoản 2 Điều 308 BLTTDS như đã phân tích ở trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến sau cùng của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp và tính hợp pháp của đơn kháng cáo.

Ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp*” giữa nguyên đơn Lưu Văn C và bị đơn Nông Văn N, việc xác định quan hệ tranh chấp của cấp sơ thẩm là đúng với quy định của pháp luật. Ngày 06/12/2018, nguyên đơn Lưu Văn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nông Văn Ch nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của các đương sự là hợp pháp, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo:

Nguyên đơn Lưu Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng toàn bộ lô đất rừng vầu theo bản đồ đo vẽ năm 1994.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nông Văn Ch kháng cáo: toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, chỉ chấp nhận cắt rừng vầu với diện tích khoảng 1.500m² thuộc lô đất nói trên của gia đình cho ông C, không đồng ý chia cho ông C vạt chuối. Nếu gia đình ông C muốn lấy nhiều hơn 1.500m² rừng vầu thì phải bồi thường 31 cây gỗ mọc năm hương mà ông C đã chặt hạ trái phép tại khu đất rừng của gia đình ông với giá 1.000.000đ/cây.

[2.1] Xét về nguồn gốc đất đang tranh chấp:

Ông C cho rằng rừng vầu là đất đai do ông cha để lại, đã sử dụng ổn định, lâu dài đến đời ông là đời thứ 5, được nhà nước giao không ban hành quyết định giao đất mà chỉ ghi vào bản đồ năm 1994 là lô số 7 cho ông quản lý, đến năm 2004, do cán bộ địa chính dồn lô số 4 của ông Nông Thanh S vào lô số 3 của ông X rồi điều chỉnh các lô ông Nông Văn T vào lô ông N và đẩy lô số 6 của ông N sang lô rừng vầu của gia đình ông. Tuy nhiên ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đây là lô đất của gia đình, chỉ có các lời khai của nhân chứng Nông Văn V, Nông Văn Q khẳng định rừng vầu có từ ngày xưa, không giao do các hộ gia đình quản lý và khai thác. Đồng thời ông N và người đại diện theo ủy quyền, cũng khẳng định trong lô 06 gia đình ông N được giao, có một phần diện tích là rừng vầu của gia đình ông C khoảng 500m², đến nay vầu mọc khắp đồi không xác định được cụ thể diện tích là bao nhiêu. Năm 1994 Nhà nước giao đất, giao rừng theo chính sách theo chủ trương khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời ông cung cấp các tài liệu chứng minh: Quyết định số: 54/QĐ-UB và Biên bản giao nhận rừng và trồng rừng cùng ngày 11/10/1995 của UBND huyện Trùng Khánh; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Nông Văn N ngày 15/9/2004; Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa lập ngày 15/9/2004; Trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp đối với thửa hộ gia đình ông N xin cấp GCNQSDĐ thửa số 123, tờ bản đồ số 3, quá trình quản lý từ đó đến nay, ông N nhận các khoản hỗ trợ từ nhà nước, chỉ đến khi ông C chặt hạ 31 cây gỗ làm năm hương thuộc phần rừng ông được nhà nước giao quản lý hai bên mới

phát sinh tranh chấp.

Từ những tình tiết trên, có đầy đủ cơ sở để khẳng định nguồn gốc đất đang tranh chấp là đất lâm nghiệp được Nhà nước phân lô, giao cho ông N quản lý, sử dụng từ năm 1994 nay là lô số 6, thửa đất 123, khoảnh 5, tiểu khu 201, tờ bản đồ số 03 vẽ năm 2004 của UBND xã B. Tuy nhiên trong diện tích lô số 6 nói trên có một phần diện tích rừng vầu của gia đình ông C đã quản lý, sử dụng từ trước đó.

[2.2] Xét về diện tích đất đang tranh chấp:

Rừng vầu do gia đình ông C quản lý, sử dụng chưa đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ, ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện khu rừng vầu ông đang quản lý có diện tích là bao nhiêu, được giao theo quyết định ngày tháng năm nào, hồ sơ vụ án thể hiện gia đình ông C được UBND huyện Trùng Khánh giao đất giao rừng để xây dựng vườn rừng và phát triển kinh doanh lâm nghiệp, theo quyết định số 54 ngày 11/10/1994, Biên bản giao đất ngoài thực địa ngày 10/5/1997, theo quyết định giao đất ông C được giao 18,1 ha, trong đó có 9,6 ha là rừng bảo vệ, 8,5 ha rừng khoanh nuôi có sẵn, xác định tại lô số 1 trên bản đồ tỉ lệ 1/5000, (lô số 1 cách lô số 6 là 4 lô).

Về phía ông N, người đại diện theo ủy quyền Nông Văn Ch thừa nhận trong diện tích rừng lô số 6 gia đình đang quản lý, sử dụng có một chòm vầu của gia đình ông C với diện tích khoảng 500m², nay vầu phát triển, mọc khắp đồi không xác định được diện tích nên đồng ý cắt rừng vầu với diện tích khoảng 1.500m² cho ông C. Ông C không đồng ý, muốn được quản lý, sử dụng toàn bộ khu vực rừng vầu theo bản đồ đo vẽ năm 1994 là lô số 7 có diện tích 6,5ha, ông cho rằng năm 2004 do ông X làm địa chính xã đã cùng ông Y chỉnh sửa bản đồ, ông Hiếu dồn lô số 4 của ông Nông Thanh S vào lô số 3 của ông X và điều chỉnh các lô của ông Nông Văn T vào lô số 6 của ông N, đẩy lô ông N sang lô rừng vầu của gia đình ông, tại bản án dân sự phúc thẩm số 11/2018/DSPT ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xác định, theo quyết định giao đất lâm nghiệp của UBND huyện Trùng Khánh năm 1994 được chia 6 lô cho 6 hộ dân; Lô số 1 là ông Lưu Văn C, lô số 2 là ông Nông Văn H các bên không có

tranh chấp, lô số 3 là ông X từ khe Thang Khau đến khe nước sạch, lô số 4 là của ông S từ khe nước sạch đến Khe cây trám, lô số 5 của ông Nông Văn K, từ Khe cây trám đến Khe pác công ra (Hiện Nông Văn T đang quản lý) và lô số 6 của ông Nông Văn N; Bản án trên đã phân định ranh giới đất rừng giữa hai gia đình ông S và ông X, bản án cũng xác định ông T là người được ông X giao lại lô số 3 để quản lý từ năm 1995 theo quyết định được giao đất từ năm 1994, ông T là người được nhận các khoản hỗ trợ từ chính sách hàng năm, không có sự việc sửa lại bản đồ đầy lô như ông Lưu Văn C đã nêu. Do đó yêu cầu khởi kiện đòi quản lý lô rừng số 6 của ông Lưu Văn C là không có cơ sở để xem xét.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xác định diện tích rừng vầu hiện nay là 2.700m², các bên đương sự và những người làm chứng đều thừa nhận rừng Vầu thuộc quyền quản lý sử dụng của ông C do cha ông để lại, quá trình tiến hành thẩm định tại chỗ có tên của ông Lưu Văn C ở phần những người tham gia thẩm định, tuy nhiên phần ký biên bản thẩm định ông C không ký biên bản, biên bản không nêu lý do vì sao ông C không ký biên bản, do đó HĐXX Phúc thẩm tạm dừng phiên toà yêu cầu TAND huyện Trùng Khánh tiến hành thẩm định tại chỗ lại đối với khu rừng Vầu đang tranh chấp. Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2019 xác định diện tích rừng Vầu là 15.333m²; có 02 vạt chuối rừng, diện tích vạt chuối rừng 1 là 525,4m², diện tích vạt chuối rừng 2 là 63,03m²; diện tích khóm mai 1 là 35,6m², diện tích khóm mai 2 là 22,6m², diện tích khóm mai 3 là 10,43m², diện tích khóm mai 4 là 38,2m², diện tích khóm mai 5 là 7,3m², diện tích khóm mai 6 là 12,5m²; khoảng cách vạt chuối rừng 01 đến rừng vầu là 6,9m; khoảng cách vạt chuối rừng 2 đến rừng vầu là 32,3m; khoảng cách khóm mai gần nhất đến rừng vầu là 22,6m; khoảng cách khóm mai xa rừng vầu nhất là 97,2m.

Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, xử cho ông C có quyền quản lý, sử dụng khu rừng vầu với diện tích 2.700m² là không có căn cứ, có vi phạm pháp luật trong việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ dẫn tới việc diện tích rừng vầu có thay đổi lớn khi tiến hành thẩm định lại, quá trình khởi kiện và tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên

đơn không đề cập đến yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng 01 vạt chuối và 07 khóm mai. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, mục ý kiến của anh Ch, là người được bị đơn Ủy quyền nêu: trong khu rừng được nhà nước giao cho bố anh năm 1994 có vầu, chuối rừng và mấy khóm mai của gia đình ông C, có vườn hạt dẻ của ông Nông Thanh S. Sau khi xét xử sơ thẩm anh Ch đã kháng cáo bản án phần vườn chuối rừng và 07 khóm mai được giao cho gia đình ông C là bất hợp pháp. Kết quả thẩm định tại chỗ lại rừng vầu, vạt chuối rừng và các khóm mai có sự thay đổi về số lượng vạt chuối rừng là 02 vạt, số lượng khóm mai từ 07 khóm còn 6 khóm diện tích các khóm mai đều tăng đáng kể đồng thời khoảng cách giữa khóm mai gần rừng vầu nhất là 22,6m xa rừng vầu nhất là 97,2m. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ch giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời cho rằng việc ký vào biên bản là anh Ch không hiểu, nghe không kỹ nội dung. Xét kháng cáo của anh Ch là có căn cứ bởi từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến quá trình tự khai, công bố tài liệu chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Lưu Văn C không một lần đề cập đến vườn chuối rừng và 07 khóm mai, khi xem xét trích đo sơ đồ khu rừng có tranh chấp và nghe ý kiến của các cơ quan chuyên môn tại phiên tòa, thấy rằng vườn chuối 01 có diện tích 525,4m²; diện tích vạt chuối rừng 02 là 63,3m² và 06 khóm mai nằm rải rác cách xa rừng vầu, do đó việc án sơ thẩm tuyên xử cho ông C được quyền quản lý, sử dụng: 01 khóm chuối rừng có diện tích là: 579 m² và 07 khóm mai mỗi khóm 5m², tổng diện tích khóm mai là: 35 m² nằm trong lô 6 của ông N là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên kháng cáo của phía bị đơn là có căn cứ, xét thấy cần sửa án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn tăng số diện tích rừng vầu từ 2.700m² lên 15.333m².

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nông Văn Ch đòi ông Lưu Văn C bồi thường 31 cây gỗ mỗi cây giá 1.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù lô rừng số 6 gia đình ông N được nhà nước giao quản lý, bảo vệ nhưng quyền sở hữu về rừng thuộc quyền của nhà nước, sau khi chặt hạ số gỗ trên ông Lưu Văn C đã bị xử phạt vi phạm hành chính, UBND huyện Trùng Khánh cũng không có

yêu cầu ông C phải bồi thường, nên yêu cầu kháng cáo đòi bồi thường về số cây bị chặt phá nêu trên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông C được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước là trái quy định của pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo của ông C được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nông Văn Ch được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Lưu Văn C; Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nông Văn Ch; Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ Điều 84 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148; Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 136 Luật đất đai năm 2003, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án,

Xử:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lưu Văn C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp (rừng bảo vệ). Ông Lưu Văn C được quyền quản lý, bảo vệ: rừng vầu có diện tích là: 15.333m²

- Ông Nông Văn N được quyền quản lý, bảo vệ đất lâm nghiệp thuộc lô số 6 diện tích cụ thể, hình dạng lô đất tranh chấp và kích thước, có sơ đồ và tọa độ điểm kèm theo.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Lưu Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần. Trả lại cho ông Lưu Văn C 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002152 ngày 10/12/2018 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ông Lưu Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lưu Văn C số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/00967 ngày 26/12/2016 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn ông Nông Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Nông Văn Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần. Trả lại cho anh Nông Văn Ch 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0002153 ngày 14/12/2018 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Trùng Khánh;
- TAND huyện Trùng Khánh;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam